

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG



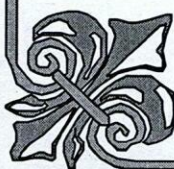
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO CÔNG KHAI

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
NĂM 2023

(Quyết định số 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024)

XÃ PHƯỚC THẮNG



Phước Thắng, ngày 15 tháng 07 năm 2024



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC THẮNG**

Số: 203/QĐ - UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phước Thắng, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố công khai số liệu Quyết toán Ngân sách xã năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân xã Phước Thắng khóa XIII, kỳ họp thứ 8 về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2023 của xã Phước Thắng (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

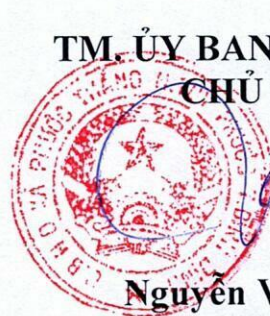
Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã
- Các Cơ quan đoàn thể xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Công

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024 của UBND xã Phước Thắng)

Đvt: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>37.613.963.788</u>	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>37.611.281.610</u>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.076.305.476	I. Chi đầu tư phát triển	20.623.649.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	165.689.771	II. Chi thường xuyên	7.394.220.351
III. Thu bổ sung	12.322.518.486	III. Chi nộp trả cấp trên	326.493.259
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.677.000.000	IV. Chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	9.266.919.000
- Bổ sung có mục tiêu	7.378.525.486	- Chuyển nguồn đầu tư	296.502.000
- Bổ sung CTMT GN - Mã 00472 TX	372.393.000	- Chuyển nguồn Cải cách tiền lương	1.600.000
- Bổ sung CTMT NTM - Mã 00492 VĐT	707.000.000	Chuyển nguồn TX khoản hỗ trợ sau 30/09	45.863.000
- Bổ sung CTMT NTM- Mã 00496 VTX	187.600.000	- Chuyển nguồn tăng thu, TK chi	8.922.954.000
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.514.938		
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã	23.047.935.117		
Kết dư ngân sách	2.682.178		

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG

Biểu số 117/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024 của UBND xã Phước Thắng)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
TỔNG THU	38.213.494.117	37.639.294.117	39.698.234.603	37.613.963.788	103,89	99,93
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.897.577.000	1.897.577.000	2.076.305.476	2.076.305.476	109,42	109,42
- Phí, lệ phí, lệ phí môn bài	71.200.000	71.200.000	21.619.000	21.619.000	30,36	30,36
- Thu từ quỹ đất công ích và HLCS khác	1.794.000.000	1.794.000.000	2.072.467.476	2.072.467.476	115,52	115,52
- Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định	-	-	-101.021.000	-101.021.000		
- Đóng góp xây dựng KCHT + đóng góp khác	32.377.000	32.377.000	70.660.000	70.660.000	218,24	218,24
- Thu phạt theo quy định	-	-	6.700.000	6.700.000		
- Thu khác	-	-	5.880.000	5.880.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	680.000.000	105.800.000	2.249.960.586	165.689.771	330,88	156,61
1. Các khoản thu phân chia	49.000.000	49.000.000	55.638.578	55.638.578	113,55	113,55
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	8.346.579	8.346.579	417,33	417,33
- Thuế sử dụng đất NN thu từ hộ gia đình	-	-	-	-		
- Thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	-	-	-	-		
- Lệ phí trước bạ nhà đất	47.000.000	47.000.000	47.291.999	47.291.999	100,62	100,62
- Thuế nhà, đất	-	-	-	-		
2. Các khoản thu phân chia khác do tỉnh QĐ	631.000.000	56.800.000	2.194.322.008	110.051.193	347,75	193,75
- Thuế GTGT(VAT) + Thuế TNDN	568.000.000	56.800.000	1.092.931.985	109.293.226		
- Thu khác về thuế	-	-	7.579.623	757.967		
- Thuế Thu nhập cá nhân	63.000.000	-	-	-		
- Thu tiền sử dụng đất	-	-	1.093.810.400	-		
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn+ CCTL	23.047.935.117	23.047.935.117	23.047.935.117	23.047.935.117		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	2.000.000	2.000.000	1.514.938	1.514.938		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.585.982.000	12.585.982.000	12.322.518.486	12.322.518.486		
- Bổ sung cân đối	3.677.000.000	3.677.000.000	3.677.000.000	3.677.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.641.989.000	7.641.989.000	7.378.525.486	7.378.525.486		
- Bổ sung CTMT GNBV Gắn mã 00472 VTX	372.393.000	372.393.000	372.393.000	372.393.000		
- Bổ sung CTMT NTM Gắn mã 00492 VĐT	707.000.000	707.000.000	707.000.000	707.000.000		
- Bổ sung CTMT NTM Gắn mã 00496 VTX	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024 của UBND xã Phước Thắng)

Đvt: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư PT	Thường xuyên
	1	2	3	4	5	6	7	8 =5/2	9=6/3	10=7/4
	Tổng số chi	37.639.294.117	26.758.548.000	10.880.746.117	37.611.281.610	20.920.151.000	16.691.130.610	99,93	77,07	87,96
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin	183.500.000		183.500.000	183.289.000		183.289.000	99,89		99,89
5	Chi phát thanh, truyền thanh	65.800.000		65.800.000	64.198.000		64.198.000	97,57		97,57
6	Chi thể dục, thể thao	74.100.000		74.100.000	72.635.000		72.635.000	98,02		98,02
7	Chi môi trường	597.331.214		597.331.214	276.175.700		276.175.700	46,23		46,23
8	Chi các hoạt động kinh tế	605.528.000	-	605.528.000	449.617.473		449.617.473	74,25		74,25
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.917.744.336	-	4.917.744.336	4.834.226.009	-	4.834.226.009	98,30		98,30
10	Chi cho công tác XH	273.680.000		273.680.000	261.332.000		261.332.000	95,49		95,49
11	Chi khác ngân sách	857.699.000		857.699.000	460.239.400		460.239.400	53,66		53,66
12	Dự phòng chi	120.000.000		120.000.000	-					
13	Chi hoàn trả cấp trên	306.670.259		306.670.259	326.493.259		326.493.259			
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	2.047.613.644		2.047.613.644	9.266.919.000	296.502.000	8.970.417.000			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024 của UBND xã Phước Thắng)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị thanh toán năm 2023			
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó: Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	Tổng số:		47.765.922.320		24.870.144.000	20.623.649.000	996.075.000	20.623.649.000	0
I	Công trình trả nợ		-		999.312.000	939.201.000	939.201.000	939.201.000	0
1	Chi phí sau thẩm tra, phê duyệt quyết toán CHTT				939.201.000	939.201.000	939.201.000	939.201.000	
2	Bồi thường GPMB trần Kim xuyên				60.111.000	-			
II	2. Công trình chuyển tiếp		15.337.361.232		10.829.164.000	8.016.747.000	56.874.000	8.016.747.000	0
1	Nâng cấp đường giao thông tuyến trường Mẫu giáo đi ĐT 640		3.884.691.232		3.286.282.000	1.218.725.000		1.218.725.000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Khuông Bình đi Dương Thành	2022	7.821.688.000		5.444.148.000	4.916.143.000	41.874.000	4.916.143.000	
3	Đường giao thông nội đồng Lương Bình, Phở Đồng	2022	279.560.000		248.600.000	243.148.000		243.148.000	
4	Sửa chữa nhà làm việc và BTXM sân trụ sở UBND xã	2022	1.082.386.000		271.068.000	271.068.000	15.000.000	271.068.000	
5	Di dời Hệ thống nước sạch Lương Bình-Dương Thành	2022	1.350.022.000		881.978.000	752.096.000		752.096.000	
6	BTXM Tuyến Đội 12 Thanh Quang.	2022	18.521.000			-			
7	BTXM Tuyến từ nhà ông Đậu đến Đập Hà Bạc	2022	119.363.000		117.203.000	88.370.000		88.370.000	
8	BTXM Tuyến Từ nhà Lâm đến Miếu Đông	2022	49.010.000			-		-	
9	BTXM Tuyến Từ trường tiểu học số 1 đến bờ bạn Bà Tá	2022	44.152.000			-		-	
10	BTXM Tuyến từ nhà ông Thuần đến Miếu Nam	2022	95.651.000		93.491.000	70.491.000		70.491.000	
11	BTXM Tuyến từ nhà ông Phát đến Cầu Đình	2022	57.035.000		54.875.000	41.375.000		41.375.000	
12	BTXM Tuyến giao thông Dương Thành - Khuông Bình	2022	217.284.000		156.168.000	139.980.000		139.980.000	
13	Áp mái đường giao thông tuyến Tư Cung đi ĐT640	2022	317.998.000		275.351.000	275.351.000		275.351.000	
III	Công trình khởi công mới		32.428.561.088	-	13.041.668.000	11.667.701.000	-	11.667.701.000	0

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị thanh toán năm 2023			
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó: Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Lương Bình-Khuông Bình	2023-2024	4.360.793.000		1.569.886.000	1.569.886.000		1.569.886.000	
2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến cầu Bún đi Thanh Quang, xã Phước Thắng	2023	1.289.478.000		1.036.109.000	1.007.910.000		1.007.910.000	
3	Tường rào trường Tiểu học số 1 Phước Thắng	2023	493.711.000		342.256.000	342.256.000		342.256.000	
4	Bê tông sân trường THCS Phước Thắng	2023	379.198.000		332.951.000	332.951.000		332.951.000	
5	Xây dựng cầu Dài thôn Dương Thành	2023-2024	1.280.260.000		467.544.000	450.000.000		450.000.000	
6	BTXM đường giao thông nội đồng từ Trung lã đi Gò nghệ	2023	437.043.000		431.883.000	343.735.000		343.735.000	
7	BTXM đường giao thông nội đồng từ Đội 15 đi Gò nước mặn				-	-		-	
8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông 631 đi đập Đội 4	2023	656.828.000		573.303.000	573.303.000		573.303.000	
9	Nâng cấp đường giao thông tuyến Cầu Bún đi Thanh Quang (Hạng mục: Thảm nhựa)	2023-2024	5.259.826.000		188.790.000	188.790.000		188.790.000	
10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Tư Cung đi Lạc Điền	2023-2024	3.103.005.000		1.937.901.000	1.150.000.000		1.150.000.000	
11	Nâng cấp tuyến giao thông Dương Thành đi Khuông Bình, Hạng mục: Thảm nhựa	2023-2024	5.866.308.000		206.258.000	206.258.000		206.258.000	
12	Di dời Hệ thống nước sạch Cầu Bún đi Thanh Quang	2023-2024	1.087.124.000		636.446.000	428.739.000		428.739.000	
13	Nâng cấp đường GTND tuyến Hai Phú đi Phở Đồng	2023	1.232.064.000		1.002.005.000	1.002.005.000		1.002.005.000	
14	Nâng cấp đường giao thông tuyến Đập Thanh Quang đi Hà Bạc	2023	992.164.000		930.136.000	930.136.000		930.136.000	
15	Gia cố bờ kênh tuyến cống Mạc Long đến Nhà Châu	2023	1.031.116.000		882.734.000	867.281.000		867.281.000	
16	Áp mái taluy phí bắc tuyến Mẫu giáo đi ĐT 640	2023	200.496.000		172.588.000	172.588.000		172.588.000	
17	Sửa chữa giao thông tuyến Cầu Bún đi Thanh Quang	2023	222.521.000		179.480.000	150.000.000		150.000.000	
18	Đường BTXM loại B thôn An Lợi	0			-	-		-	
19	Lắp bảng hiệu phòng họp UB và Nhà Văn Hóa	2023	370.535.088		331.997.000	331.997.000		331.997.000	
20	Khu thể dục thể thao có mái che trường Tiểu học số 2 Phước Thắng	2023	412.574.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị thanh toán năm 2023			
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó: Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
21	Nâng cấp võ mộ Nghĩa trang liệt sỹ và xây dựng mới tượng đài Tổ quốc ghi công					-			
22	Cổng tiêu đội 5 trên nhà ông Lợi, thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	2023-2024	1.195.849.000		72.130.000	72.130.000		72.130.000	
23	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến Khuông Bình đi Dương Thành, xã Phước Thắng	2023	1.213.335.000		736.269.000	736.269.000		736.269.000	
24	Nâng cấp tuyến đường giao thông ĐT 631 đi đập Đội 4 (Hạng mục: Thảm nhựa)	2023-2024	986.846.000		501.485.000	301.950.000		301.950.000	
25	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035	2023-2024	357.487.000		209.517.000	209.517.000		209.517.000	
26	Di dời hệ thống điện Lương Bình - Khuông Bình					-			
27	Nâng cấp, bổ sung hệ thống Camera an ninh					-			
28	Bê tông GTNT đường thôn Đông Điền					-			
29	Bê tông GTNT đường nghĩa địa thôn Khuông Bình					-			
30	Bê tông GTNT đường đội 6 thôn Lạc Điền					-			
31	Sửa chữa bê tông giao thông đường thôn Khuông Bình					-			
32	Sửa chữa bê tông giao thông đường xóm Bắc Phổ Đồng					-			
33	Sửa chữa bê tông giao thông đường đội 9 Phổ Đồng					-			

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG

Biểu số 120/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(kèm theo Quyết định số: 203/QĐ-UBND, ngày 15/07/2024 của UBND xã Phước Thắng)

Đvt: đồng

Nội dung	Kế hoạch năm 2023			Thực hiện năm 2023			
	Thu	Chi	Chênh lệch (+), (-)	Số dư đầu kỳ	Thu	Chi	Chênh lệch (+), (-)
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				46.221.523	128.637.915	124.437.400	50.422.038
- Quỹ vì người nghèo	10.000.000	100.000.000		37.399.798	122.397.755	119.937.400	39.860.153
- Đền ơn đáp nghĩa	6.000.000	6.000.000		8.821.725	6.240.160	4.500.000	10.561.885
2. Các hoạt động sự nghiệp							
3. Các quỹ khác				10.963.400	36.786.000	47.749.400	-
- Quỹ phòng chống thiên tai	74.941.000	74.941.000		10.963.400	36.786.000	47.749.400	-